

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 2738 /QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2025
của Ngân hàng Nhà nước**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-NHNN ngày 25/5/2015 của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của NHNN;

Căn cứ quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31/12/2018 của Thống đốc NHNN quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị NHNN;

Căn cứ quyết định số 2673/QĐ-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản của NHNN;

Căn cứ ý kiến của các Phó Thống đốc kèm theo Tờ trình số 1458/TTr-VP1 ngày 26/6/2025 của Văn phòng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán tại Tờ trình số 421/TTr-TCKT3 ngày 4/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước là **521 Tài sản/dự án** với tổng giá kế hoạch là **495.509 triệu đồng** (bao gồm dự phòng 10%). (Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Về triển khai thực hiện:

- Giao Văn phòng mua sắm tập trung máy in, máy tính cho các đơn vị NHNN (Chi tiết theo Phụ lục số II, II.1, II.2 đính kèm);

- Đối với các tài sản còn lại: Giao các đơn vị đề xuất thực hiện mua sắm theo phân cấp thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này và Thủ trưởng các đơn vị *(theo Phụ lục danh sách đính kèm)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban lãnh đạo NHNN (để b/c);
- Văn phòng (để công khai);
- Lưu VP, TCKT3.NTAThư. *lu*

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

STT	Tên đơn vị
1.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 1
2.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 2
3.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 3
4.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 4
5.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 5
6.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 6
7.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 7
8.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 8
9.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 9
10.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 10
11.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 11
12.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 13
13.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 14
14.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 15
15.	Chi cục Công nghệ thông tin
16.	Chi cục Phát hành và Kho quỹ



Phụ lục số 1
KẾ HOẠCH MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB VÀ MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2025
(Đính kèm Quyết định số 488/QĐ-NHN ngày 10/7/2025)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản/gói thầu	Kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2025		Trong đó				Ghi chú
					Ghi vốn năm 2025		Chưa ghi vốn năm 2025		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THÔNG THƯỜNG		499	100.446	61	86.543	438	13.903	
I	Kế hoạch đề nghị chuyển tiếp		26	81.705	26	81.705	-	-	
1	Bắc Kạn	Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền	1	1.422	1	1.422			
2	Lào Cai	Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền	1	1.181	1	1.181			
3	Phú Thọ	Hệ thống báo cháy kho tiền	1	3.838	1	3.838			
4	Văn phòng (trước là Cục Quản trị)	Hệ thống chống sét trụ sở 49 Lý Thái Tổ	1	3.629	1	3.629			
5	Chi Cục PHKQ	Nâng cấp Hệ thống camera bảo vệ kho tiền II tại trụ sở số 8 Võ Văn Kiệt	1	881	1	881			
6	Chi Cục PHKQ	Nâng cấp Hệ thống camera giám sát tiêu hủy tại số 01 Hồ Tùng Mậu	1	1.058	1	1.058			
7	Cục PHKQ	Xe nâng hàng chạy điện	3	1.662	3	1.662			
8	Cục PHKQ	Hệ thống điều không khí ẩm kho tiền Ao phèn	1	24.780	1	24.780			
9	Cục PHKQ	Nâng cấp hệ thống thiết bị định vị toàn cầu GPS cho 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền	1	312	1	312			
10	Cục PHKQ	Xe ô tô chở tiền	6	27.183	6	27.183			
11	Cục PHKQ	Xe ô tô hộ tống chở tiền năm 2024	6	9.137	6	9.137			
12	Chi Cục CNTT	Thiết bị tường lửa	2	5.764	2	5.764			
13	Chi Cục CNTT	Thiết bị kiểm soát truy cập mạng	1	858	1	858			
II	Kế hoạch mua sắm mới		473	18.741	35	4.838	438	13.903	
1	Khu vực 1	Máy tính chuyên dùng	38	1.178			38	1.178	Mua sắm tập trung
	Khu vực 1	Máy in A3	1	48			1	48	Mua sắm tập trung
	Khu vực 1	Máy Photocopy	1	83	1	83			
2	Khu vực 2	Máy tính chuyên dùng	42	1.302			42	1.302	Mua sắm tập trung
	Khu vực 2	Máy in A3	1	48			1	48	Mua sắm tập trung
	Khu vực 2	Máy in A4	6	240			6	240	Mua sắm tập trung
3	Khu vực 3	Máy tính chuyên dùng	8	248			8	248	Mua sắm tập trung
	Khu vực 3	Máy in A3	1	48			1	48	Mua sắm tập trung
	Khu vực 3	Hệ thống lọc nước tổng	2	136	2	136			
	Khu vực 3	Màn hình Led	1	486	1	486			
	Khu vực 3	Màn hình Led	1	106	1	106			
4	Khu vực 4	Màn hình LED	1	510	1	510			
5	Khu vực 5	Hệ thống Công Barrier tự động	1	49	1	49			

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản/gói thầu	Kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2025		Trong đó				Ghi chú
					Ghi vốn năm 2025		Chưa ghi vốn năm 2025		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
6	Khu vực 6	Máy tính chuyên dùng	16	496			16	496	Mua sắm tập trung
	Khu vực 6	Quạt ly tâm thông gió	1	190	1	190			
7	Khu vực 7	Máy tính chuyên dùng	22	682			22	682	Mua sắm tập trung
	Khu vực 7	Công sắt nhà lưu trú	1	70	1	70			
	Khu vực 7	Bốt công an	1	45	1	45			
	Khu vực 7	Tủ bếp	1	90	1	90			
8	Khu vực 8	Máy tính chuyên dùng	24	744			24	744	Mua sắm tập trung
	Khu vực 8	Máy bó tiền	1	71	1	71			
	Khu vực 8	UPS 10KVA	1	130	1	130			
	Khu vực 8	Màn hình Led	1	191	1	191			
9	Khu vực 9	Máy tính chuyên dùng	32	992			32	992	Mua sắm tập trung
	Khu vực 9	Máy Photocopy	1	90	1	90			
	Khu vực 9	Xe nâng hàng tự động	1	95	1	95			
10	Khu vực 10	Máy tính chuyên dùng	23	713			23	713	Mua sắm tập trung
	Khu vực 10	Màn hình Led	1	117	1	117			
11	Khu vực 11	Máy tính chuyên dùng	14	434			14	434	Mua sắm tập trung
	Khu vực 11	Nâng cấp hệ thống camera	1	46	1	46			
12	Khu vực 13	Máy tính chuyên dùng	8	248			8	248	Mua sắm tập trung
	Khu vực 13	UPS 10KVA	1	130	1	130			
13	Khu vực 14	Máy tính chuyên dùng	9	279			9	279	Mua sắm tập trung
	Khu vực 14	Máy in A3	1	48			1	48	Mua sắm tập trung
	Khu vực 14	Máy in A4	3	120			3	120	Mua sắm tập trung
14	Khu vực 15	Máy tính chuyên dùng	2	62			2	62	Mua sắm tập trung
	Khu vực 15	Hệ thống âm thanh hội trường	1	99	1	99			
	Khu vực 15	Tivi 85 inch	2	90	2	90			
	Khu vực 15	Cửa chống ngập	1	242	1	242			
15	Chi cục PHKQ	Máy tính chuyên dùng	1	31			1	31	Mua sắm tập trung
	Chi cục PHKQ	Máy in A3	1	48			1	48	Mua sắm tập trung
	Chi cục PHKQ	Hệ thống chống sét tại số 1 Hồ Tùng Mậu	1	106	1	106			
16	Cục PHKQ	Máy tính chuyên dùng	11	341			11	341	Mua sắm tập trung
	Cục PHKQ	Máy trạm	1	83	1	83			
	Cục PHKQ	Máy in A4	1	40			1	40	Mua sắm tập trung
	Cục PHKQ	Điều hòa áp trần công suất 48.000 BTU	3	141	3	141			

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản/gói thầu	Kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2025		Trong đó				Ghi chú
					Ghi vốn năm 2025		Chưa ghi vốn năm 2025		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
17	Cục CNTT	Máy tính chuyên dùng	20	620			20	620	Mua sắm tập trung
	Cục CNTT	Máy in A4	1	40			1	40	Mua sắm tập trung
	Cục CNTT	Nâng cấp hệ thống camera quan sát tại Trụ sở Cục CNTT	1	50	1	50			
	Cục CNTT	Màn hình Led	1	408	1	408			
18	Văn phòng	Máy tính chuyên dùng	139	4.309			139	4.309	Mua sắm tập trung
	Văn phòng	Máy in A3	3	144			3	144	Mua sắm tập trung
	Văn phòng	Máy in A4	10	400			10	400	Mua sắm tập trung
	Văn phòng	Máy photocopy	3	270	3	270			
	Văn phòng	Máy photocopy siêu tốc	1	600	1	600			
	Văn phòng	Hệ thống chuông cửa có hình	1	114	1	114			
B	GÓI THẦU/DỰ ÁN CNTT		22	375.295	7	111.136	15	264.159	
I	Dự án/gói thầu CNTT chuyển tiếp		15	296.213	6	110.274	9	185.939	
1	Cục CNTT	Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô	1	19.368			1	19.368	
2	Cục CNTT	Đầu tư trang bị giải pháp PCRT sử dụng cho Ngân hàng Nhà nước	1	27.183			1	27.183	
3	Cục CNTT	Mua Giấy phép sử dụng phần mềm Hệ quản trị CSDL	1	8.708	1	8.708			
4	Cục CNTT	Bổ sung tài nguyên lưu trữ cho TTDL chính và TTDLDP	1	14.000			1	14.000	
5	Cục CNTT	Thay thế trang thiết bị CNTT cho trụ sở 25 Lý Thường Kiệt của Ngân hàng Nhà nước	1	8.300	1	8.300			
6	Cục CNTT	Mua sắm thay thế trang thiết bị CNTT cho trụ sở của Ngân hàng Nhà nước	1	13.847			1	13.847	
7	Cục CNTT	Trang bị hệ thống máy chủ tập trung tại TTDL dự phòng	1	14.900			1	14.900	
8	Cục CNTT	Trang bị thay thế hệ thống máy chủ IBM P780 tại DC	1	14.730	1	14.730			
9	Cục CNTT	Mở rộng, nâng cấp hệ thống SG3.1 đáp ứng các yêu cầu thay đổi	1	44.661			1	44.661	

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản/gói thầu	Kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2025		Trong đó				Ghi chú
					Ghi vốn năm 2025		Chưa ghi vốn năm 2025		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
10	Cục CNTT	Trang bị tủ đĩa NAS và thư viện băng từ tại Trung tâm dữ liệu chính phục vụ sao lưu dữ liệu	1	1.980			1	1.980	
11	Cục CNTT	Mua sắm công cụ phần mềm quản lý chính sách ATTT tập trung	1	8.600	1	8.600			
12	Cục CNTT	Mua sắm Bộ phần mềm dò quét, đánh giá lỗ hổng bảo mật các hệ thống thông tin	1	2.000	1	2.000			
13	Cục CNTT	Mua sắm thay thế các thiết bị an ninh mạng tại Cục CNTT	1	15.000			1	15.000	
14	Cục CNTT	Xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin. (Tên cũ là: Xây dựng Trung tâm điều hành an ninh mạng NHNN (SOC))	1	35.000			1	35.000	
15	Cục CNTT	Dự án Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa	1	67.936	1	67.936			
II	Dự án/ gói thầu CNTT đề xuất mới		7	79.082	1	862	6	78.220	
1	Cục CNTT	Thay thế hệ thống Web Proxy tại trụ sở 25 Lý Thường Kiệt và mua bản quyền hệ thống Web Proxy tại TTLĐ 64 Nguyễn Chí Thanh	1	3.500			1	3.500	
2	Cục CNTT	Thay thế hệ thống thiết bị cân bằng tải các ứng dụng nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước	1	19.920			1	19.920	
3	Cục CNTT	Thay thế hệ thống máy chủ IBM Power tại 02 Trung tâm dữ liệu	1	14.900			1	14.900	
4	Cục CNTT	Mua sắm thay thế máy chủ ROOTCA và thiết bị HSM cho hệ thống CA NHNN	1	10.000			1	10.000	
5	Cục CNTT	Mua sắm thay thế thiết bị HSM cho hệ thống SWIFT của NHNN	1	862	1	862			
6	Cục CNTT	Bổ sung trang thiết bị an ninh mạng cho Trung tâm dữ liệu dự phòng	1	15.000			1	15.000	
7	Cục CNTT	Mua sắm thay thế trang thiết bị mạng cho các đơn vị NHNN	1	14.900			1	14.900	
C	DỰ PHÒNG			19.768		19.768			
TỔNG CỘNG BAO GỒM DỰ PHÒNG			521	495.509	68	217.447	453	278.062	

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO VĂN PHÒNG MUA SẮM TẬP TRUNG
(Đính kèm Quyết định số 419/QĐ-NHNN ngày 10/7/2025)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá kế hoạch	Ghi chú
1	Máy tính	615	16.078	- Gồm: (i) 409 máy tính chuyên dùng với giá kế hoạch là 12.679 trđ từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ của NHNN. (ii) 206 máy tính văn phòng, số tiền 3.399 trđ từ nguồn kinh phí khoán của NHNN. (Danh sách chi tiết theo Phụ lục II.1)
2	Máy in chuyên dùng	29	1.224	Danh sách chi tiết theo Phụ lục II.2

Qu ✓

Phụ lục H.1
KẾ HOẠCH MUA SẴM MÁY TÍNH NĂM 2025
(Đính kèm Quyết định số 248/QĐ-NHNN ngày 10/7/2025)

Đơn vị tính: Trđ

TT	Đơn vị	Tên tài sản	Chuyên dùng (từ Vốn xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản của NHNN)			Văn phòng (Từ nguồn kinh phí khoán)			Thành tiền
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Khu vực 1	Máy tính để bàn	38	31	1.178	5	16,50	82,50	1.260,50
2	Khu vực 2	Máy tính để bàn	42	31	1.302	16	16,50	264,00	1.566,00
3	Khu vực 3	Máy tính để bàn	8	31	248	2	16,50	33,00	281,00
4	Khu vực 6	Máy tính để bàn	16	31	496			-	496,00
5	Khu vực 7	Máy tính để bàn	18	31	558	6	16,50	99,00	657,00
		Máy tính xách tay	4	31	124			-	124,00
6	Khu vực 8	Máy tính để bàn	14	31	434	5	16,50	82,50	516,50
		Máy tính xách tay	10	31	310	1	16,50	16,50	326,50
7	Khu vực 9	Máy tính để bàn	14	31	434	7	16,50	115,50	549,50
		Máy tính xách tay	18	31	558	2	16,50	33,00	591,00
8	Khu vực 10	Máy tính để bàn	23	31	713			-	713,00
9	Khu vực 11	Máy tính để bàn	14	31	434	10	16,50	165,00	599,00
10	Khu vực 13	Máy tính để bàn	8	31	248	5	16,50	82,50	330,50
11	Khu vực 14	Máy tính để bàn	7	31	217	2	16,50	33,00	250,00
		Máy tính xách tay	2	31	62			-	62,00
12	Khu vực 15	Máy tính để bàn	2	31	62	2	16,50	33,00	95,00
13	Cục CNTT	Máy tính để bàn	17	31	527	2	16,50	33,00	560,00
		Máy tính xách tay	3	31	93	1	16,50	16,50	109,50
14	Chi Cục Phát hành và Kho quỹ	Máy tính để bàn	1	31	31	9	16,50	148,50	179,50
		Máy tính xách tay				1	16,50	16,50	16,50
15	Cục Phát hành và Kho quỹ	Máy tính để bàn	11	31	341	11	16,50	181,50	522,50
		Máy tính xách tay				2	16,50	33,00	33,00
16	Văn phòng		139		4.309	117		1.930,50	6.239,50
16.1	Vụ Pháp chế	Máy tính để bàn				17	16,50	280,50	280,50
16.2	Vụ Tổ chức cán bộ	Máy tính để bàn				11	16,50	181,50	181,50
		Máy tính xách tay				1	16,50	16,50	16,50
16.3	Vụ Tin dụng các ngành kinh tế	Máy tính để bàn	26	31	806			-	806,00
16.4	Cục Quản lý	Máy tính để bàn	6	31	186	5	16,50	82,50	268,50
16.5	Vụ CSTT	Máy tính để bàn	26	31	806	3	16,50	49,50	855,50
		Máy tính xách tay				2	16,50	33,00	33,00
16.6	Vụ Tài chính - Kế toán	Máy tính để bàn	8	31	248	8	16,50	132,00	380,00
		Máy tính xách tay	2	31	62			-	62,00
16.7	Vụ DBTK - Ôn định tiền tệ - tài chính	Máy tính để bàn	13	31	403	2	16,50	33,00	436,00
		Máy tính xách tay				4	16,50	66,00	66,00
16.8	Vụ Thanh toán	Máy tính để bàn	7	31	217			-	217,00
		Máy tính xách tay	2	31	62			-	62,00
16.9	Văn phòng Đảng	Máy tính để bàn				1	16,50	16,50	16,50
16.10	Văn phòng NHNN	Máy tính để bàn	6	31	186	13	16,50	214,50	400,50
		Máy tính xách tay				5	16,50	82,50	82,50
16.11	Đoàn Thanh niên	Máy tính để bàn				3	16,50	49,50	49,50
		Máy tính xách tay				1	16,50	16,50	16,50
16.12	Sở Giao dịch	Máy tính để bàn	5	31	155	6	16,50	99,00	254,00
16.13	Cục Phòng, chống rửa tiền	Máy tính để bàn	9	31	279	17	16,50	280,50	559,50
		Máy tính xách tay	1	31	31	2	16,50	33,00	64,00
16.14	Cục An toàn hệ thống các TCTD	Máy tính để bàn				13	16,50	214,50	214,50
16.15	Cục quản lý, giám sát các TCTD	Máy tính để bàn	28	31	868	3	16,50	49,50	917,50
		Máy tính xách tay		31	-			-	-
	Cộng		409	31	12.679,00	206	16,50	3.399,00	16.078,00

94

Phụ lục II.2
KẾ HOẠCH MUA SẴM MÁY IN CHUYÊN DÙNG NĂM 2025
 (Đính kèm Quyết định số ~~238~~ **238**/QĐ-NHNN ngày 10.../7.../2025)

Đơn vị tính: Trđ

TT	Đơn vị	Máy in chuyên dùng A4			Máy in chuyên dùng A3		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khu vực 1				1	48	48
2	Khu vực 2	6	40	240	1	48	48
2	Khu vực 3				1	48	48
3	Khu vực 14	3	40	120	1	48	48
4	Cục CNTT	1	40	40			
5	Chi Cục Phát hành và Kho quỹ				1	48	48
6	Cục Phát hành và Kho quỹ	1	40	40			
7	Văn phòng	10	40	400	3	48	144
7.1	Vụ Hợp tác quốc tế	1	40	40			
7.2	Vụ CSTT	4	40	160			
7.3	Vụ Pháp chế	2	40	80			
7.4	Vụ Tổ chức cán bộ	2	40	80			
7.5	Vụ Tài chính - Kế toán	1	40	40	2	48	96
7.6	Văn phòng NHNN				1	48	48
	Cộng	21		840	8		384

94 ✓